

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHO QUAN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 18/11/2021

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHO QUAN - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Quang Văn.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hoa.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Tạo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 18/11/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện Nho Quan mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 138/2021/TLST-HNGĐ ngày 16/7/2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/10/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị Nh, sinh năm 1982.

Tên gọi khác: Không.

Địa chỉ: thôn X, xã L, huyện Q, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thu Đ, sinh năm 1977.

Tên gọi khác: Không.

Địa chỉ: thôn X, xã L, huyện Q, tỉnh Ninh Bình.

(Chị Nh có mặt, anh Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Trương Thị Nh trình bày:

Chị Trương Thị Nh xây dựng gia đình với anh Nguyễn Thu Đ tháng 09/2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Long, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình. Hôn nhân là do vợ chồng chị tự nguyện cùng nhau xây dựng hạnh phúc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống cùng với bố mẹ anh Đ, đến năm 2007 bố mẹ anh Đ cho đất, vợ chồng chị xây nhà cùng thôn và cũng năm 2007 do bố anh Đ mất vợ chồng chị về sống chung với mẹ anh Đ cho đến nay. Quá trình chung sống, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc với nhau khoảng 13 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh Đ thường xuyên uống rượu về đánh đập vợ con; vợ chồng chị luôn xảy ra va chạm, cãi nhau, đánh nhau, mặc dù đã được hai bên gia đình, chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Đến tháng 4 năm 2020, vợ chồng chị lại tiếp tục xảy ra va chạm, đánh chửi nhau dẫn đến chị phải sống ly thân với anh Đ từ đó cho đến nay không ai quan tâm gì đến nhau nữa. Chị Nh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị đã đến điểm trầm trọng đòi sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Nh đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Thu Đ.

Chị Nh và anh Đ có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thu Tr, sinh ngày 05/06/2001 và cháu Nguyễn Thu H, sinh ngày 31/12/2003. Hiện cháu Nguyễn Thị Thu Tr đã thành niên tự lập được cuộc sống chị Nh không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng. Đối với cháu Nguyễn Thu H, chị Nh đề nghị để anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng chị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đồng. Chị và anh Đ chưa thỏa thuận về thời gian cấp dưỡng nuôi con bắt đầu từ khi nào.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai, biên bản hòa giải anh Nguyễn Thu Đ trình bày: Anh Nguyễn Thu Đ xác nhận về mối quan hệ hôn nhân giữa anh và chị Nh đúng như chị Nh trình bày. Anh và chị Nh xây dựng gia đình với nhau năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Long, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình. Hôn nhân là do vợ chồng anh tự nguyện cùng nhau xây dựng hạnh phúc. Sau khi kết hôn vợ chồng anh sống cùng với bố mẹ anh Đ. Quá trình chung sống, vợ chồng anh chung sống hạnh phúc với nhau khoảng 13 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng anh như chị Nh trình bày. Đến đầu năm 2021, vợ chồng anh mới sống ly thân cho đến nay, không phải như chị Nh trình bày là vợ chồng sống ly thân từ năm 2020. Nay chị Nh làm đơn xin ly hôn, anh Đ xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, va chạm giữa vợ chồng anh có thể khắc phục được nên đề nghị Tòa hòa giải cho vợ chồng anh về đoàn tụ.

Anh Đ và chị Nh có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thu Tr, sinh ngày 05/06/2001 và cháu Nguyễn Thu H, sinh ngày 31/12/2003. Hiện cháu Nguyễn Thị Thu Tr đã thành niên tự lập được cuộc sống anh không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng. Đối với cháu Nguyễn Thu H, anh nhất trí với ý kiến chị Nh đề nghị để anh trực tiếp nuôi dưỡng chị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đồng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Nguyễn Thu Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng đầy đủ các bước tố tụng và hành vi tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 5; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố Tụng dân sự; áp dụng: Điều 56; các Điều 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Nh:

Xử cho chị Nh ly hôn anh Nguyễn Thu Đ;

Việc nuôi con chung: Giao cho anh Nguyễn Thu Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thu H, sinh ngày 31/12/2003. Chị Nh phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Đ theo định kỳ hàng tháng mỗi tháng 2.000.000đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực cho đến khi cháu Hoàng thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Chị Nh có quyền và nghĩa vụ đi lại trông nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn.

Về án phí dân sự sơ thẩm, chị Trương Thị Nh chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Trương Thị Nh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và tranh chấp việc nuôi con chung với anh Nguyễn Thu Đ cư trú tại: thôn 3, xã Phú Long, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình. Tòa thụ lý đơn khởi kiện của chị Nh theo quy định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa anh Đ đã được triệu tập hợp lệ có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (chị Nh): Chị Trương Thị Nh và anh Nguyễn Thu Đ tự nguyện đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Phú Long, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày

04/9/2000 đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị Trương Thị Nh và anh Nguyễn Thu Đ đều thừa nhận vợ chồng anh chị sống hạnh phúc được 13 năm thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra cãi vã, đánh chửi, xúc phạm lẫn nhau. Nguyên nhân chính dẫn tới mâu thuẫn vợ chồng chị anh chị là do anh Đ thường sử dụng rượu về đánh chị Nh. Anh Đ, chị Nh đã sống ly thân phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa coi đây là sự thật. Điều đó cho thấy hôn nhân giữa chị Nh và anh Đ đã đến điểm trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; hòa giải tại Tòa nhiều lần nhưng chị Nh vẫn cương quyết xin ly hôn nếu giải quyết để chị Nh đoàn tụ với anh Đ là trái với ý chí tự nguyện của chị Nh, vì vậy chị Nh khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với anh Đ là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần được chấp nhận.

Việc nuôi con chung: Chị Trương Thị Nh, anh Nguyễn Thu Đ có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thu Tr, sinh ngày 05/06/2001 và cháu Nguyễn Thu H, sinh ngày 31/12/2003. Hiện cháu Nguyễn Thị Thu Tr đã thành niên tự lập được cuộc sống anh Đ, chị Nh không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng là có căn cứ. Đối với cháu Nguyễn Thu H giao cho anh Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Nh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Đ mỗi tháng 2.000.000đồng; thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực cho đến khi cháu H thành niên tự lập được cuộc sống. Chị Nh có quyền và nghĩa vụ đi lại trông nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn là có căn cứ pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu.

Chị Trương Thị Nh và anh Nguyễn Thu Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung, công nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Thị Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 5; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố Tụng dân sự; áp dụng: khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Nh.
2. Xử lý hôn giữa chị Trương Thị Nh và anh Nguyễn Thu Đ.
3. Việc nuôi con chung: Giao cho anh Nguyễn Thu Đ trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thu H, sinh ngày 31/12/2003. Chị Nh phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Đ theo định kỳ hàng tháng mỗi tháng 2.000.000đồng. Thời

gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực cho đến khi cháu H thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Chị Nh có quyền và nghĩa vụ đi lại trông nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn.

4. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành hết số tiền cấp dưỡng nuôi con theo thỏa thuận thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Thị Nh phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Số tiền án phí chị Nh phải chịu được trừ vào số tiền ạm ứng án phí chị Nh đã nộp 300.000đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0003271 ngày 16/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nho Quan. Chị Trương Thị Nh còn phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NB;
- VKSND huyện NQ;
- THADS huyện NQ;
- UBND xã Phú Long;
- Dương sự;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

NGUYỄN ANH TUẤN